

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *KHS-COM-OD32/2022*  
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp  
nhất quý II năm 2022

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2022*

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc,  
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 838009 Fax:

- E-mail: [info@kihuseavn.com](mailto:info@kihuseavn.com)

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/07/2022  
tại đường dẫn: [www.kihuseavn.com](http://www.kihuseavn.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

*GT Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2022*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

**Người UQ CBTT**



**Nguyễn Ngọc Anh**

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 08/2022/KH-CBTT

Kiên Giang, ngày 21 tháng 07 năm 2022

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo  
BCTC hợp nhất Quý 2/2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2022, chênh lệch từ 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 2 năm 2022 và Quý 2 năm 2021:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 2/2022	Quý 2/2021		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	237,301,538,977	311,724,572,727	(74,423,033,750)	(23.87)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2,237,332,848	857,571,100	1,379,761,748	160.89
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	235,064,206,129	310,867,001,627	(75,802,795,498)	(24.38)
4. Giá vốn hàng bán	11	210,986,248,852	272,260,314,731	(61,274,065,879)	(22.51)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24,077,957,277	38,606,686,896	(14,528,729,619)	(37.63)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,081,843,161	627,347,921	454,495,240	72.45
7. Chi phí tài chính	22	5,200,520,026	6,497,789,188	(1,297,269,162)	(19.96)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	4,122,361,483	5,932,093,572	(1,809,732,089)	(30.51)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	

9. Chi phí bán hàng	25	10,611,316,792	8,898,793,842	1,712,522,950	19.24
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,311,862,126	5,590,537,467	(278,675,341)	(4.98)
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>4,036,101,494</b>	<b>18,246,914,320</b>	<b>(14,210,812,826)</b>	<b>(77.88)</b>
12. Thu nhập khác	31	881,818,182	125,360,000	756,458,182	603.43
13. Chi phí khác	32	2,217,333,428	10,492,000	2,206,841,428	21,033.56
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(1,335,515,246)</b>	<b>114,868,000</b>	<b>(1,450,383,246)</b>	<b>(1,262.65)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>2,700,586,248</b>	<b>18,361,782,320</b>	<b>(15,661,196,072)</b>	<b>(85.29)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<b>2,700,586,248</b>	<b>18,361,782,320</b>	<b>(15,661,196,072)</b>	<b>(85.29)</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>61</b>	<b>4,940,279,131</b>	<b>18,282,050,405</b>	<b>(13,341,771,274)</b>	<b>(72.98)</b>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2,239,692,883)	79,731,915	(2,319,424,798)	(2,909.03)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	368	1,391	(1,023)	(73.54)
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	368	1,391	(1,023)	(73.54)

Lợi nhuận sau thuế của Quý 2 năm 2022 theo BCTC hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ giảm 73 % so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân do:

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ giảm 73 % so với cùng kỳ năm 2021, ( xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2022)
- Công ty con ( Công ty TNHH Thủy Sản Aoki ) từ lãi chuyển sang lỗ:

**Nguyên nhân lỗ của công ty con:**

- Doanh thu quý 2/2022 giảm 11% so với quý 2/2021 do sản lượng xuất bán giảm 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Việc giảm sản lượng xuất bán là do việc thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, giá xăng dầu tăng cao dẫn đến các ghe đánh bắt phải tạm dừng hoạt động nên nguồn nguyên liệu khan hiếm và chất lượng xấu không đáp ứng được cho các hợp đồng xuất khẩu hàng chất lượng cao của công ty.
- Chi phí tài chính tăng 33 % so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là tăng lỗ chênh lệch tỷ giá.
- Chi phí bán hàng tăng 51% so với quý 2/2021 là tăng chủ yếu ở chi phí cước tàu và vận chuyển.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2022 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 2/2022	Quý 2/2021		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1	67,097,056,363	75,086,090,805	(7,989,034,442)	(10.64)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	1,642,672,000		1,642,672,000	100
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	10	65,454,384,363	75,086,090,805	(9,631,706,442)	(12.83)
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	62,013,608,060	68,997,205,557	(6,983,597,497)	(10.12)
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	20	3,440,776,303	6,088,885,248	(2,648,108,945)	(43.49)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	389,493,521	301,958,396	87,535,125	28.99
7. Chi phí tài chính	22	1,576,297,375	1,187,820,537	388,476,838	32.71
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	662,614,320	1,007,120,075	(344,505,755)	(34.21)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	5,275,098,051	3,488,259,129	1,786,838,922	51.22
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,508,519,965	1,552,045,785	(43,525,820)	(2.80)
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}</b>	30	(4,529,645,567)	162,718,193	(4,692,363,760)	(2,883.74)
12. Thu nhập khác	31				
13. Chi phí khác	32	41,156,235		41,156,235	100
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	40	(41,156,235)	-	(41,156,235)	(100)
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50	(4,570,801,802)	162,718,193	(4,733,519,995)	(2,909.03)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	60	(4,570,801,802)	162,718,193	(4,733,519,995)	(2,909.03)

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 2 năm 2022 giảm so với cùng kỳ năm 2021.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**NGUYỄN NGỌC ANH**

